

Số: 49/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Dẫn độ số 100/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Dẫn độ trong Công an nhân dân.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 2 Điều 31, Điều 33 và khoản 3 Điều 41 của Luật Dẫn độ số 100/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Dẫn độ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an; Công an tỉnh, thành phố; đơn vị nghiệp vụ thuộc Công an tỉnh, thành phố có thẩm quyền tiến hành các hoạt động liên quan đến dẫn độ từ Việt Nam ra nước ngoài; người bị yêu cầu giữ khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dẫn độ từ Việt Nam ra nước ngoài.

Chương II

XEM XÉT YÊU CẦU DẪN ĐỘ CỦA NHIỀU NƯỚC ĐỐI VỚI MỘT NGƯỜI

Điều 3. Xem xét các yếu tố có liên quan đến yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Dẫn độ

Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp là đơn vị đầu mối của Bộ Công an về công tác dẫn độ có thẩm quyền xem xét các yếu tố có liên quan quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Dẫn độ; chủ trì, phối hợp với Cục Đối ngoại, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an xem xét, xác định, đánh giá các yếu tố sau đây:

1. Xác định quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng ở nước ngoài của người bị yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. Đánh giá tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Xác định địa điểm thực hiện tội phạm trong yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

4. Đánh giá lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

5. Xác định mức độ nghiêm trọng của tội phạm trong yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

6. Đánh giá khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 9 của Thông tư này.

Điều 4. Xác định quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng ở nước ngoài của người bị yêu cầu dẫn độ

1. Quốc tịch của người bị yêu cầu dẫn độ được xác định căn cứ vào một trong các giấy tờ, tài liệu, thông tin sau đây:

- a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ quốc tịch hợp pháp;
- b) Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu dẫn độ;
- c) Kết quả xác minh của các cơ quan chức năng Việt Nam.

2. Nơi thường trú cuối cùng ở nước ngoài của người bị yêu cầu dẫn độ được xác định căn cứ vào một trong các hồ sơ, tài liệu, thông tin sau đây:

- a) Hồ sơ cư trú;
- b) Tài liệu quản lý xuất nhập cảnh;
- c) Thông tin do nước yêu cầu dẫn độ cung cấp.

3. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ có nhiều quốc tịch hoặc không có quốc tịch hoặc không xác định được quốc tịch thì căn cứ vào một trong các yếu tố sau đây:

- a) Mức độ liên hệ giữa nước yêu cầu dẫn độ và người bị yêu cầu dẫn độ;
- b) Nước nơi người bị yêu cầu dẫn độ sinh sống ổn định, lâu dài.

Điều 5. Đánh giá tính hợp pháp và mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ

1. Tính hợp pháp của yêu cầu dẫn độ được đánh giá căn cứ vào các yếu tố sau đây:

- a) Yêu cầu dẫn độ hợp lệ;
- b) Hành vi phạm tội trong yêu cầu dẫn độ cũng cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- c) Người bị nêu trong yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp từ chối dẫn độ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Mức độ phù hợp của yêu cầu dẫn độ được đánh giá căn cứ vào các yếu tố sau đây:

- a) Tính rõ ràng của thông tin nêu trong yêu cầu dẫn độ;
- b) Tính khả thi của việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành án hình sự;
- c) Cam kết của nước yêu cầu dẫn độ về bảo đảm quyền con người.

Điều 6. Xác định địa điểm thực hiện tội phạm trong yêu cầu dẫn độ

Trường hợp tội phạm được thực hiện tại nhiều nước, việc xác định địa điểm thực hiện tội phạm trong yêu cầu dẫn độ căn cứ vào các yếu tố sau đây:

1. Nơi phát sinh hậu quả chính của hành vi phạm tội.
2. Nơi phát hiện, thu thập phần lớn chứng cứ.
3. Nơi có điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động tổ tụng hình sự.
4. Nơi hành vi phạm tội kết thúc, đạt được mục đích phạm tội.

Điều 7. Đánh giá lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ

Lợi ích riêng của các nước yêu cầu dẫn độ được đánh giá căn cứ vào các yếu tố sau đây:

1. Thực tiễn quan hệ chính trị, ngoại giao, kinh tế, hợp tác quốc tế về pháp luật và phòng, chống tội phạm với Việt Nam.
2. Tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội đối với nước yêu cầu dẫn độ.
3. Khả năng hợp tác trong lĩnh vực tư pháp hình sự với Việt Nam.

Điều 8. Xác định mức độ nghiêm trọng của tội phạm trong yêu cầu dẫn độ

Mức độ nghiêm trọng của tội phạm trong yêu cầu dẫn độ được xác định căn cứ vào các yếu tố sau đây:

1. Khung hình phạt theo quy định pháp luật của nước yêu cầu dẫn độ.
2. Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.
3. Hậu quả của hành vi phạm tội.

Điều 9. Đánh giá khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ

Việc đánh giá khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các nước yêu cầu dẫn độ căn cứ vào các yếu tố sau đây:

1. Điều ước quốc tế giữa các nước yêu cầu dẫn độ.
2. Cam kết bằng văn bản của nước yêu cầu dẫn độ.
3. Thực tiễn hợp tác dẫn độ giữa các nước yêu cầu dẫn độ.

Điều 10. Đánh giá, tổng hợp các yếu tố khi xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người

1. Khi xem xét yêu cầu dẫn độ của nhiều nước đối với một người, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an quy định tại Điều 3 của Thông tư này xem xét, đánh giá, tổng hợp toàn diện các yếu tố được quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Dẫn độ.

2. Khi xem xét, đánh giá từng yếu tố quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Dẫn độ để lựa chọn phương án đáp ứng yêu cầu dẫn độ của một nước nhất định, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an quy định tại Điều 3 của Thông tư này đánh giá từng yếu tố theo các tiêu chí sau đây:

- a) Nước yêu cầu dẫn độ đối với công dân của nước mình hoặc có nơi thường trú cuối cùng ở nước mình;
- b) Nước lập yêu cầu dẫn độ đáp ứng tính hợp pháp, phù hợp;
- c) Nước yêu cầu dẫn độ nơi xảy ra phần lớn hành vi phạm tội hoặc nơi xảy ra hậu quả nghiêm trọng nhất;
- d) Nước yêu cầu dẫn độ đáp ứng được lợi ích riêng của nước mình nhiều nhất;
- đ) Nước yêu cầu dẫn độ đối với tội phạm nghiêm trọng hơn hoặc tội phạm có khung hình phạt cao hơn;
- e) Nước yêu cầu dẫn độ mà người bị hại mang quốc tịch hoặc nước có số lượng người bị hại nhiều nhất;
- g) Nước yêu cầu dẫn độ có cam kết sẽ dẫn độ người bị dẫn độ cho bên thứ ba sau khi kết thúc quá trình tố tụng tại nước mình;
- h) Nước gửi yêu cầu dẫn độ sớm hơn;
- i) Nước yêu cầu dẫn độ cùng là thành viên của điều ước quốc tế song phương, đa phương với Việt Nam.

Chương III

GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP TRƯỚC KHI CÓ YÊU CẦU DẪN ĐỘ

Điều 11. Tiếp nhận yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

1. Yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ quy định tại Điều 33 của Luật Dẫn độ được tiếp nhận qua kênh ngoại giao, Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) hoặc Cục Đối ngoại Bộ Công an.

2. Sau khi nhận được yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Dẫn độ và Điều 12 của Thông tư này; phối hợp với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an và Công an các tỉnh, thành phố có liên quan tiến hành xác định địa điểm của người bị yêu cầu giữ khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ.

Điều 12. Kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

1. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp phối hợp với Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật Dẫn độ.

2. Trường hợp yêu cầu giữ người hợp lệ và sau khi xác định được địa điểm của người bị yêu cầu giữ khẩn cấp, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp thông báo ngay cho người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật Dẫn độ và Điều 13 của Thông tư này ra quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú.

Điều 13. Thẩm quyền và giao quyền quyết định giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

1. Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú đối với các vụ án đặc biệt nghiêm trọng hoặc đối tượng đặc biệt nguy hiểm. Cơ sở lưu trú quản lý đối tượng trong trường hợp này là cơ sở lưu trú gần nhất nơi phát hiện đối tượng.

2. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố; Trưởng phòng Phòng An ninh điều tra, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu và môi trường, Trưởng phòng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thuộc Công an tỉnh, thành phố quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú đối với các đối tượng bị phát hiện tại địa phương. Cơ sở lưu trú quản lý đối tượng trong trường hợp này là cơ sở lưu trú gần nhất nơi phát hiện đối tượng.

3. Việc giao quyền quyết định giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ và đưa vào cơ sở lưu trú được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Luật Dẫn độ.

Điều 14. Giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú

1. Sau khi người có thẩm quyền quy định tại Điều 13 của Thông tư này ra quyết định giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú, lực lượng Công an có thẩm quyền tiến hành giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ thực thi quyết định thông báo cho người bị giữ về các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định phải được gửi ngay cho Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp để thông báo cho nước yêu cầu giữ người, cơ quan đại diện ngoại giao của nước mà người bị giữ mang quốc tịch.

Điều 15. Thời hạn giữ người và hủy bỏ biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp hết thời hạn 45 ngày kể từ ngày giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú mà Việt Nam không nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật Dẫn độ và Điều 13 của Thông tư này quyết định trả tự do cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ và thông báo ngay cho Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp.

2. Sau khi nhận được thông báo trả tự do cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp phối hợp với Cục Đối ngoại và các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Công an thông báo cho nước yêu cầu giữ người về việc đã trả tự do cho người bị giữ.

Điều 16. Quyền, chế độ và nghĩa vụ của người bị giữ khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ

Quyền, nghĩa vụ, chế độ của người bị giữ khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ và vấn đề khác có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý người nước ngoài trong cơ sở lưu trú.

Chương IV

CĂN CỨ XÁC ĐỊNH NGƯỜI BỊ YÊU CẦU DẪN ĐỘ THUỘC TRƯỜNG HỢP BẮT BUỘC TỪ CHỐI DẪN ĐỘ

Điều 17. Xác định quốc tịch Việt Nam của người bị yêu cầu dẫn độ

1. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ có hai hoặc nhiều quốc tịch hoặc có tài liệu chứng minh người bị yêu cầu dẫn độ có khả năng là công dân Việt Nam, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục Quản lý xuất nhập cảnh, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an quy định tại Điều 3 của Thông tư này và đơn vị có thẩm quyền của Bộ Tư pháp tra cứu, xác định quốc tịch Việt Nam của người bị yêu cầu dẫn độ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu dẫn độ.

2. Trường hợp người bị yêu cầu dẫn độ được xác định có quốc tịch Việt Nam, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 18. Xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thời hiệu thi hành bản án đối với người bị yêu cầu dẫn độ

Việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thời hiệu thi hành bản án đối với người bị yêu cầu dẫn độ để làm căn cứ đưa ra thông báo từ chối dẫn độ thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 19. Thông báo từ chối dẫn độ

Trường hợp có đủ căn cứ xác định rõ người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp bắt buộc từ chối dẫn độ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật Dẫn độ, Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp báo cáo Lãnh đạo Bộ Công an gửi văn bản thông báo cho nước yêu cầu dẫn độ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Công an hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.


2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp) để kịp thời hướng dẫn, giải quyết. *luc*

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Các học viện trường trong Công an nhân dân;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử BCA;
- Công báo;
- Lưu: VT, V03 (P5).

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lương Tam Quang